

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 248 /2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-6-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Doãn Thị Duyên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Nhàn

2. Bà Trần Thanh Trúc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè** không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/3/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T – Sinh năm 1982

Địa chỉ: 23 Ấp M, xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

**Bị đơn:** Ông Trần Hoàng S – Sinh năm 1981

Địa chỉ: 23 Ấp M, xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 15 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Hoàng S đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã PL huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2006.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng 04 năm trở lại đây thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng do ông S có mối quan hệ bên ngoài, không quan tâm, chăm sóc cho vợ con. Vì con nhỏ nên bà T đã tha thứ và cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông S vẫn không thay đổi. Vì thế vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng luôn căng thẳng, tình cảm ngày càng xa cách, không có tiếng nói chung và sự chia sẻ với nhau. Mặc dù hiện nay, bà T và ông S vẫn ở chung một nhà nhưng cả hai không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng thể hiện qua việc ông S thường xuyên vắng nhà. Nay, bà Nguyễn Thị Kim T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng S.

Về con chung: Bà T và ông S có 02 con chung tên là Trần Hoàng H – sinh ngày 06/02/2008 và Trần Hoàng Thúy H – sinh ngày 15/7/2015. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

Ông Trần Hoàng S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết ông Trần Hoàng S đã trình bày ý kiến của mình tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải, cụ thể ông S trình bày như sau:

Ông S đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung thì ông S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Về tài sản chung gồm có tiền xây dựng và sửa nhà, tiền mở cửa hàng thời trang, ông S yêu cầu được hưởng 118.000.000 đồng. Về nợ chung thì có khoản vay của Công ty tài chính Prudential.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Kim T với ông Trần Hoàng S được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông S cư trú tại xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Trần Hoàng S đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa để ông S tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do

chính đáng nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 75 quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2006 thì quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của của nguyên đơn với bị đơn.

*Hội đồng xét xử xét:*

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Hoàng S là có thật, đã được bà T và ông S thừa nhận. Hai bên đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn. Bà T và ông S đều không muốn duy trì tình trạng hôn nhân như hiện tại, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Sau nhiều năm, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn và ông S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Trần Hoàng S là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Căn cứ vào giấy khai sinh số 291/GKS-BS ngày 18/9/2020 và Giấy khai sinh số 60/2015, quyển số 01/2015 ngày 30/7/2015 của Ủy ban nhân dân xã PL, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định trẻ Trần Hoàng H – sinh ngày 06/02/2008 và trẻ Trần Hoàng Thúy H – sinh ngày 15/7/2015 là con chung của bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Hoàng S.

*Hội đồng xét xử xét:*

Hai trẻ Hoàng Hà và Thúy Hằng hiện đang sống cùng và do bà T trực tiếp chăm sóc hằng ngày. Đồng thời tại biên bản ghi nhận nguyện vọng thì trẻ Hoàng H có nguyện vọng ở với mẹ. Trẻ Thúy H là con gái và còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ là điều cần thiết trong quá trình phát triển của trẻ. Để tránh xáo trộn cuộc sống hằng ngày cũng như đảm bảo sự ổn định trong việc học tập, phát triển tâm sinh lý của trẻ nên việc giao 02 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Bà T xác nhận không có tài sản chung và nợ chung.

Ông S yêu cầu được hưởng phần tài sản chung là 118.000.000 đồng và khoản nợ chung tại Công ty tài chính Prudential.

*Hội đồng xét xử xét:*

Bà T xác nhận giữa bà T và ông S không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung của ông S thì trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo và yêu cầu ông S phải làm đơn bằng văn bản kèm các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và gửi cho Tòa án nhưng ông S không thực hiện và tại phiên tòa ông S cũng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét giải quyết yêu cầu của ông S. Trường hợp sau này, nếu ông S có yêu cầu thì ông S có quyền nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Trần Hoàng S.

2/ Về con chung: Giao 02 con chung Trần Hoàng H – sinh ngày 06/02/2008 và Trần Hoàng Thúy H – sinh ngày 15/7/2015 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Trần Hoàng S cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Trần Hoàng S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Trần Hoàng S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0073428 ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Phước Lộc, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Duyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Duyên**



**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NHÀ BÈ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 24-5-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Doãn Thị Duyên

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Ngọc Dũng
2. Bà Trần Thị Bích Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Chí Đông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim T – Sinh năm 1985

Địa chỉ: 311 ấp Bình Trung, Tổ 18, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:** Ông Trần Hoàng S – Sinh năm 1981

Địa chỉ: Số 3/2 Đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 3 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Hoàng S đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169 quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/11/2006.

Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tiếng nói chung do ông S ham chơi cờ bạc. Bà T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông S không thay đổi, tình trạng kéo dài hơn 05 năm. Vì thế vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi lần

vợ chồng cãi nhau thì ông S lại bỏ ra ngoài ở nửa tháng mới quay trở về. Và đỉnh điểm đến cuối tháng 12/2020 thì ông S dọn ra ngoài ở cho đến nay. Ông S đã nhiều lần chủ động yêu cầu bà T làm đơn ly hôn. Bà T vì suy nghĩ cho con và gia đình nên đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng cho đến nay vẫn không hòa hợp được, đời sống hôn nhân giữa bà T với ông S không hạnh phúc. Nay, bà Nguyễn Thị Kim T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông Trần Hoàng S.

Từ khi kết hôn thì vợ chồng bà T, ông S sinh sống tại 311 ấp Bình Trung, Tổ 18, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau nhiều lần cãi vã và mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm thì đến tháng 12/2020 thì ông S chuyển về địa chỉ 3/2 Đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung tên là Lê Châu Nhã Ca – sinh ngày 21/02/2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Bé Nhã Ca từ khi sinh ra cho tới nay đang sinh sống và học tập tại ấp Bình Trung, xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có.

*Ông Trần Hoàng S là bị đơn tại bản tự khai ngày 09/4/2022 đã trình bày nội dung như sau:*

“Chúng tôi kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khoảng 2 đến 3 năm gần đây chúng tôi có xảy ra tranh cãi với nhau, vợ nói những lời cay đắng làm tôi lấy làm tự tin và buồn. Tôi về nhà bà mẹ ruột ở khoảng 03 tháng để chăm sóc ba ruột bệnh nặng. Tôi không đồng ý ly hôn. Trong quá trình chung sống chúng tôi có 01 con chung tên Lê Châu Nhã Ca sinh năm 2010, trường hợp tòa giải quyết cho ly hôn thì tôi muốn trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản nếu có tôi không lấy.”

Trong quá trình Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; và tại phiên tòa hôm nay ông Trần Hoàng S vẫn vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy trình tố tụng giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

## ***1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:***

[1.1] Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 169 quyền số 01/2006 do Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2013 thì bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Hoàng S có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Kim T xin ly hôn ông Trần Hoàng S. Ông S có hộ khẩu thường trú và thực tế đang sinh sống tại thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Trần Hoàng S đã được tòa án tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa để ông S tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

## ***2. Về các yêu cầu của đương sự:***

[2.1] Bà Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ly hôn ông Trần Hoàng S vì những năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông S ham chơi, vô tâm và không chăm lo cho gia đình. Mặc dù bà T đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông S vẫn không thay đổi. Đỉnh điểm vào tháng 12/2020 ông S dọn ra ngoài ở và cả hai sống ly thân cho đến nay. Từ năm 2020 đến nay, giữa bà T với ông S còn không thể nói chuyện với nhau, cả hai không còn tiếng nói chung và bà T cũng không còn tình cảm với ông S.

### ***Hội đồng xét xử xét:***

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Kim T và ông Trần Hoàng S là có thật, đã được bà T và ông S thừa nhận. Hai bên hai bên đã không còn chung sống một thời gian dài, mỗi người đều đã có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và tình cảm vợ chồng cũng không còn.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thì địa phương không giải quyết mâu thuẫn giữa bà T và ông S. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, ông S mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến tòa án để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong cuộc sống vợ chồng cũng như có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông S vẫn vắng mặt không rõ lý do. Việc ông S không có mặt tại Tòa án để làm việc chứng tỏ ông S không còn quan tâm đến gia đình, cũng như không có thiện chí xây dựng hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà T. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông S hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà T với ông S là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông S có 01 con chung là Lê Châu Nhã Ca – sinh ngày 21/02/2010. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Ông S cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

*Hội đồng xét xử xét:*

Trẻ Nhà Ca hiện đang sống cùng với bà T. Từ khi sinh ra cho đến nay trẻ sinh sống và học tập tại xã Bình Khánh, huyện Cần Giờ. Đồng thời tại biên bản ghi nhận nguyện vọng thì trẻ Nhã Ca có nguyện vọng ở với mẹ. Việc thay đổi môi trường sống có thể ảnh hưởng đến việc học tập, phát triển tâm sinh lý của trẻ. Do đó nghĩ nên tiếp tục giao trẻ Lê Châu Nhã Ca cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà T không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3. Về án phí:** Án phí dân sự sơ thẩm (Ly hôn) là 300.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T chịu.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 266; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19; 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T.

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn ông Trần Hoàng S.

**2/ Về con chung:** Giao con chung Lê Châu Nhã Ca – sinh ngày 21/02/2010 cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Kim T không yêu cầu ông Trần Hoàng S cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim T có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Trần Hoàng S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Trần Hoàng S có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở ông S thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng hoặc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**3/ Về tài sản chung và nợ chung:** Không có.

4/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số **AA/2019/0073591 ngày 11 tháng 5 năm 2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục T.H.A.DS huyện Nhà Bè;
- UBND thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Duyên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Doãn Thị Duyên**

